

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. **Thành ngữ** là những cụm từ cố định, được hình thành trong lịch sử và tồn tại dưới dạng sẵn có, được sử dụng nguyên khối, có ý nghĩa biểu đạt và chức năng sử dụng tương đương với từ.

Thành ngữ có những giá trị nổi bật về:

- Tính hình tượng: Thành ngữ thường dùng cách nói có hình ảnh cụ thể, thông qua những hình ảnh cụ thể “*thuận buồm xuôi gió, mẹ tròn con vuông.*”).

- Tính khái quát về nghĩa: Tuy dùng hình ảnh cụ thể, nhưng thành ngữ lại có mục đích nói về những điều có tính khái quát cao, có chiều sâu và bề rộng. Vì vậy nghĩa của thành ngữ thường mang tính triết lí sâu sắc, thâm thúy, hàm súc.

- Tính biểu cảm: Mỗi thành ngữ thường có sắc thái biểu cảm, thể hiện cả thái độ đánh giá và tình cảm của mỗi người.

- Tính cân đối, có nhịp và có thể có vần. Điều này làm cho thành ngữ dễ nhớ, dễ thuộc.

Tiêu biểu ở tiếng Việt là các thành ngữ so sánh (ví dụ: *Nhanh như sóc*), thành ngữ đối (ví dụ: *Chân ướt chân ráo*), thành ngữ thường (ví dụ: *Nói vã bọt mép*).

2. **Điển cố** là những sự vật, sự việc trong sách vở đời trước, hoặc trong đời sống văn hóa dân gian, được dẫn gợi trong văn chương, sách vở đời sau nhằm thể hiện những nội dung tương ứng.

Về hình thức, điển cố không cố định mà có thể được biểu hiện bằng từ, ngữ, hoặc câu, nhưng về ý nghĩa thì điển cố có đặc điểm hàm súc, ý vị, có giá trị tạo hình tượng và biểu cảm.

II. LUYỆN TẬP**1. Bài tập 1 (SGK NV11 tập 1, tr 66)**

Đoạn thơ trích trong *Thương vợ* của Trần Tế Xương có hai thành ngữ: *Một duyên hai nợ, Năm nắng mười mưa*. *Một duyên hai nợ*: ý nói một mình phải đảm đương công việc gia đình để nuôi cả chồng và con. *Năm nắng mười mưa*: vất vả cực nhọc, chịu đựng dài lâu nắng mưa.

Nếu có so sánh hai thành ngữ trên với các cụm từ thông thường (một mình phải nuôi cả chồng và con; làm lụng vất vả dưới nắng mưa) thì thấy các thành ngữ ngắn gọn, cô đọng, cấu tạo ổn định, đồng thời qua hình ảnh cụ thể, sinh động thể hiện nội dung khái quát và có tính biểu cảm.

2. Bài tập 2 (SGK NV11 tập 1, trang 66)

Trong các câu thơ trích *Truyện Kiều* (Nguyễn Du), có nhiều thành ngữ được sử dụng có giá trị nghệ thuật cao. Thành ngữ “đầu trâu mặt ngựa”, biểu hiện được tính chất hung bạo, thú vật, vô nhân tính của bọn quan quân đến nhà Thúy Kiều khi gia đình nàng bị vu oan.

Thành ngữ “cá chậu chim lồng” biểu hiện được lối sống tù túng, chật hẹp, mất tự do. Thành ngữ “đội trời đạp đất” biểu hiện được lối sống và hành động tự do, ngang tàng, không chịu sự bó buộc, không chịu khuất phục bất cứ uy quyền nào. Nó dùng để nói khí phách hào hán, ngang tàng của Từ Hải.

Các thành ngữ trên đều dùng hình ảnh cụ thể và có tính biểu cảm: thể hiện sự đánh giá đối với điều được nói đến.

3. Bài tập 3 (SGK NV11 tập 1, trang 66)

Trong hai câu thơ trích từ Khóc Dương Khuê có hai điển cố: giường kia, đàn kia. Giường kia: gợi lại chuyện Trần Phồn thời Hậu Hán dành riêng cho bạn là Từ Trĩ một cái giường khi bạn đến chơi, khi bạn về lại treo giường lên. Đàn kia: gợi lại chuyện Chung Tử Kỳ nghe tiếng đàn của Bá Nha mà hiểu được ý nghĩa của bạn. Do đó sau khi bạn chết, Bá Nha treo đàn không gảy nữa vì cho rằng không có ai hiểu được tiếng đàn của mình.

4. Bài tập 4 (SGK NV11 tập 1, tr 67)

Các câu thơ đã cho sử dụng các điển cố hết sức hàm súc, thâm thúy

- Ba thu: Dùng điển cố này, câu thơ trong Truyện Kiều muốn nói khi Kim Trọng đã tương tư Thúy Kiều thì một ngày không thấy mặt nhau có cảm giác lâu như ba năm.
- Chín chữ: Kinh Thi kể chín chữ nói về công lao của cha mẹ đối với con cái là sinh (sinh thành), cúc (nâng đỡ), phủ (vuốt ve), súc (cho bú mớm), trưởng (nuôi cho lớn), dục (dạy dỗ), cố (trông nom), phục (xem tính nết mà dạy bảo), phúc (che chở). Dẫn điển cố này, Thúy Kiều nghĩ đến công lao của cha mẹ đối với bản thân mình, mà mình thì sống biệt lập nơi đất khách quê người, chưa hề báo đáp được cha mẹ.
- Liễu Chương Đài: gợi chuyện của người xưa đi làm quan ở xa, viết thư về thăm vợ, có câu: Cây liễu ở Chương Đài xưa xanh xanh, nay có còn không, hay là tay khác đã vin bẻ mất rồi. Dẫn điển cố này, Thúy Kiều mừng tượng đến cảnh Kim Trọng trở lại gặp nàng thì nàng đã thuộc về người khác mất rồi.
- Mắt xanh: Nguyễn Tịch đời Tấn quý ai thì tiếp bằng mắt xanh (lòng đen có mắt), không ưa ai thì tiếp bằng mắt trắng (lòng trắng của mắt). Dẫn điển cố này, Từ Hải muốn nói với Thúy Kiều rằng chàng biết Thúy Kiều ở chốn lầu xanh, hằng ngày phải tiếp khách làng chơi, nhưng chưa hề ưa ai, bằng lòng với ai. Câu nói thể hiện lòng quý trọng, đề cao phẩm giá của nàng Kiều.

5. Bài tập 5 (SGK NV11 tập 1, tr 67)

Các thành ngữ đã cho có nghĩa là:

- Ma cũ bắt nạt ma mới: người cũ cậy quen biết nhiều mà lên mặt, bắt nạt, dọa dẫm người mới đến. Có thể thay bằng cụm từ ‘bắt nạt người mới’.
- Chân ướt chân ráo: vừa mới đến, còn lạ lẫm.
- Cưỡi ngựa xem hoa: làm việc qua loa, không đi sâu, đi sát, không tìm hiểu thấu đáo, kĩ lưỡng giống như người đi ngựa nhanh thì không thể ngắm kĩ.

Nếu thay các thành ngữ bằng các từ ngữ thông thường tương đương thì có thể biểu hiện được phần nghĩa cơ bản nhưng mất đi phần sắc thái biểu cảm, tính hình tượng. Hơn nữa, sự diễn đạt có thể phải dài dòng.

6. Bài tập 6 (SGK NV11 tập 1, tr 67)

Học sinh tự đặt câu với các thành ngữ đã cho, ví dụ:

- Cháu nó *mẹ tròn con vuông* rồi bác ạ!
- Anh đừng có *trúng khôn hơn vịt*.
- Bõ công *nấu sủ sôi kinh*, cuối cùng nó cũng đổ vào đại học.
- Hấn đúng là loại người *lòng lang dạ thú*, hại người không ghê tay.

7. Bài tập 7 (SGK NV 11 tập 1, tr 67)

Học sinh có thể tự đặt câu với các điển cố đã cho, ví dụ:

- Chỗ đó chính là gót chân *A-sin* của hấn đấy.
- Nó giờ *nợ như chúa chổm* rồi.

III. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. **Sưu tầm và tìm hiểu nghĩa của thành ngữ nói về sự nói năng và lời nói của con người.**

Học sinh sưu tầm và tìm hiểu nghĩa của một số thành ngữ nói về sự nói năng và lời nói của con người như : Nói thánh nói tướng, Ăn ốc nói mò, Nói hươu nói vượn, Lời nói, gói vàng...

2. **Sưu tầm và tìm hiểu nghĩa của điển cố trong *Truyện Kiều*.**

Học sinh sưu tầm và tìm hiểu nghĩa của một số điển cố trong *Truyện Kiều* như:

- *Trước sau nào thấy bóng người,*
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.

Thôi Hộ đời Đường, tư chất thông minh, phong nhã, nhân tiết Thanh Minh, một mình đi chơi về phía Nam thành đô, thấy một ấp trại, xung quanh trồng hoa đào, bèn gõ cửa xin nước uống. Một người con gái mở cổng, hỏi tên họ rồi bưng nước đến. Người con gái đó có sắc đẹp đậm đà và duyên dáng, tình ý dịu dàng và kín đáo. Năm sau, cũng vào tiết Thanh Minh, Thôi Hộ lại tìm đến người cũ, thì thấy cửa đóng, then cài, nhân đó mới đề trên cánh cửa bên trái một bài thơ:

Khử niên kim nhật thử môn trung
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng
Nhân diện bất tri hà xứ khứ?
Đào hoa y cựu tiếu đông phong

(Năm ngoái, trong cổng này, mặt người và hoa đào màu hồng ánh lẫn nhau, năm nay, mặt người không biết ở chốn nào, chỉ còn hoa đào vẫn cười với gió đông như cũ).

Nguyễn Du đã dùng điển này và đã linh hoạt tước bỏ đi những chi tiết cụ thể, chỉ lấy cái từ mà viết nên những câu thơ mới lạ, thanh nhã. Câu thơ nhẹ nhàng thoát trước, thoát sau,

bay bổng trong không gian vắng lặng bóng người, cùng với làn gió từ phương đông thổi tới là để diễn tả một nỗi lòng nặng trĩu, lo âu của chàng Kim khi không gặp Thúy Kiều.

LINK VIDEO BÀI GIẢNG: <https://youtu.be/o0DMlhzE98M>

GV SOẠN: PHAN LƯƠNG XUÂN